

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-PT

Ngày 21 - 11 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Trực

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị N, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Số 1, Tổ 2, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh V, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị H, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp 4, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh V, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2014 chị N và anh V tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng đến ngày 03/11/2016 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 182 ngày 03/11/2016. Chị N và anh V chung sống có hai con là cháu A, sinh ngày 30/5/2015 và cháu B, sinh ngày 09/12/2016, hiện do anh V trực tiếp nuôi, (khi anh V đi làm có gửi cho chị là H nuôi). Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh V đánh chị N và đã bị xử phạt hành chính và chị N, anh V đã sống ly thân từ tháng 8/2018 âm lịch đến nay. Chị N và anh V không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nguyên đơn chị N trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa: Do anh V không còn quan tâm vợ con và có thái độ, hành động, lời nói không tôn trọng cha mẹ chị, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh V; con chung cháu A, sinh ngày 30/5/2015 và cháu B, sinh ngày 09/12/2016, từ tháng 12/2018 âm lịch anh V đưa về thăm ông bà nội và giữ lại bên nội, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh V trình bày tại các biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa: Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, chị N bán hàng trên mạng anh không đồng ý, nhiều lần khuyên nhưng chị N không nghe. Anh không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ, anh đem con về bên nội nuôi nhằm mục đích hàn gắn cùng chăm sóc các con. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H trình bày tại các lời khai tại Tòa án: Hiện chị đang trực tiếp nuôi hai con của anh V và Chị N là cháu A, sinh ngày 30/5/2015 và cháu B, sinh ngày 09/12/2016, do anh V bận đi làm xa. Anh V có tới lui chăm sóc và gửi tiền cho chị nuôi hai cháu. Do các cháu sống đã ổn định nên chị yêu cầu để hai cháu cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Từ những nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N.

1. Về hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh V.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N. Buộc anh V và chị H có nghĩa vụ giao cháu A, sinh ngày 30/5/2015 và cháu B, sinh ngày 09/12/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh V không phải cấp dưỡng cho hai cháu nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2019, bị đơn anh V kháng cáo yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh V thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ xin được trực tiếp nuôi một con chung là cháu B, sinh ngày 09/12/2016.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh V sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh V; giao cháu A, sinh ngày 30/5/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu B, sinh ngày 09/12/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc anh V và chị H có nghĩa vụ giao cháu A, sinh ngày 30/5/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị N và anh V có hai con chung là cháu A, sinh ngày 30/5/2015 và cháu B, sinh ngày 09/12/2016, hiện do anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

[2] Anh V kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh V thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin được trực tiếp nuôi một con chung là cháu B, sinh ngày 09/12/2016, không yêu cầu chị N cấp dưỡng; hiện nay anh đang làm tại địa phương, không đi làm xa nữa.

[3] Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, về nghĩa vụ và quyền chăm sóc con: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”*.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N và anh V tự nguyện thỏa thuận giao cháu gái A, sinh ngày 30/5/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu trai B, sinh ngày 09/12/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[5] Anh V và chị N hiện đều có việc làm, thu nhập đủ điều kiện, đảm bảo nuôi con; cháu B, sinh ngày 09/12/2016, tính đến ngày xét xử phúc thẩm cũng đã gần đủ 36 tháng tuổi và chị N và anh V tự nguyện thỏa thuận, giao cháu gái A, sinh ngày 30/5/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ thuận tiện, đảm bảo quyền lợi cho cháu hơn, đồng thời giao cháu trai B, sinh ngày 09/12/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do vậy, chị N và anh V tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi hai cháu, giao cho chị N và anh V mỗi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con như trên là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần ghi nhận và buộc anh V và chị H có nghĩa vụ giao cháu A, sinh ngày 30/5/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[6] Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh V, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu sửa một phần bản án sơ thẩm về quan hệ con chung.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm anh V không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh V, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N, chị N được ly hôn với anh V.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh V.

Giao cháu A, sinh ngày 30/5/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao cháu B, sinh ngày 09/12/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc anh V và chị H có nghĩa vụ giao cháu A, sinh ngày 30/5/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị N và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình chị N phải nộp 300.000 đồng, chị N đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006145 ngày 26/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu chuyển thu án phí.

5. Án phí dân sự phúc thẩm về Hôn nhân gia đình anh V không phải nộp, anh V đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0002760 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã N, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương